ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số : 57/2006/QĐ-UBND	*Đà Lạt, ngày 30 tháng 8 năm 2006*

QUYẾT ĐỊNH

V/v Ban hành chương trình dạy tiếng Kơ Ho (có chữ viết) cho cán bộ, công chức công tác vùng dân tộc Kơ Ho của tỉnh Lâm Đồng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND&UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 161/QĐ-TTg ngày 4/8/2003 của Thủ tướng Chính phủ v/v Ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức;

Căn cứ chỉ thị số 38/2004/CT-TTg ngày 09/11/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số đối với cán bộ, công chức công tác ở vùng dân tộc, miền núi;

Căn cứ Quyết định số 03/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 24/01/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Chương trình khung dạy tiếng dân tộc thiểu số (có chữ viết) cho cán bộ, công chức công tác vùng dân tộc thiểu số;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định chương trình và tài liệu dạy tiếng Kơ Ho tỉnh Lâm Đồng,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình dạy tiếng Kơ Ho (có chữ viết) cho cán bộ, công chức công tác ở vùng dân tộc Kơ Ho của tỉnh Lâm Đồng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký. Chương trình kèm theo Quyết định này là cơ sở để biên soạn tài liệu dạy tiếng Kơ Ho (có chữ viết) cho cán bộ, công chức công tác ở vùng dân tộc Kơ Ho của tỉnh Lâm Đồng.

Điều 3. Các ông: Chánh văn phòng UBND Tỉnh, Giám đốc sở Nội vụ, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành của tỉnh Lâm Đồng, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Bảo Lộc, Thành phố Đà Lạt chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(*Đã ký*)

Huỳnh Đức Hòa

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

CHƯƠNG TRÌNH DẠY TIẾNG KƠ HO (CÓ CHỮ VIẾT) CHO CÁN BỘ CÔNG CHỨC CÔNG TÁC VÙNG DÂN TỘC KƠ HO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 57/2006/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2006 của UBND tỉnh Lâm Đồng)

I. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH:

Học xong chương trình tiếng Kơ Ho, cán bộ, công chức công tác vùng dân tộc Kơ Ho (sau đây gọi tắt là học viên) có:

1. Các kỹ năng nghe hiểu, đọc hiểu, nói đúng, viết đúng để có khả năng giao tiếp thông thường bằng tiếng Kơ Ho.

2. Một số kiến thức cần thiết ban đầu về tiếng Kơ Ho: Hệ thống chữ viết, bộ vần, một số qui tắc chính tả và ngữ pháp tiếng Kơ Ho; một số hiểu biết cần thiết về con người, văn hoá truyền thống và phong tục tập quán của đồng bào dân tộc Kơ Ho .

3. Thái độ tôn trọng ngôn ngữ, văn hoá truyền thống của đồng bào dân tộc Kơ Ho.

II . QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Phù hợp với đối tượng

Đối tượng học viên là những cán bộ, công chức công tác ở vùng dân tộc Kơ Ho, có nhu cầu hoặc được cử đi học tiếng Kơ Ho như một ngôn ngữ thứ hai. Nội dung chương trình được biên soạn tinh giản, thiết thực, có tính thực hành cao; tạo điều kiện cho việc tổ chức dạy học một cách linh hoạt, gọn nhẹ… giúp học viên đạt được mục tiêu mà chương trình đã đề ra.

2. Giao tiếp

Để hình thành và phát triển các kỹ năng sử dụng tiếng Kơ Ho theo mục tiêu và yêu cầu đặt ra, chương trình dạy tiếng Kơ Ho cho cán bộ công tác ở vùng dân tộc Kơ Ho được xây dựng theo quan điểm giao tiếp. Quan điểm này thể hiện ở định hướng sau: tập trung hình thành và rèn luyện các kỹ năng (nghe, nói, đọc, viết); đặc biệt chú trọng hai kỹ năng nghe, nói; ưu tiên thực hành, chú ý kết hợp chặt chẽ việc học trên lớp với thực hành giao tiếp trong công tác và đời sống hàng ngày.

3. Tích hợp

Chương trình ưu tiên dạy nghe và nói. Đó là những kỹ năng giao tiếp được sử dụng nhiều nhất trong quan hệ giữa học viên với đồng bào dân tộc Kơ Ho. Để tăng hiệu quả và tiết kiệm thời gian học, việc rèn luyện kỹ năng nghe, nói cần kết hợp với kỹ năng đọc, viết; lấy các bài đọc làm cơ sở để rèn luyện kỹ năng và dạy các kiến thức ngoân ngữ. Qua các bài đọc cung cấp thêm cho học viên những hiểu biết cơ bản về văn hoá, phong tục tập quán của đồng bào Kơ Ho, những kiến thức phổ biến về khoa học, pháp luật, chính trị… để học viên có thể vận dụng và hoàn thành tốt hơn công tác được giao.

III. KẾ HOẠCH DẠY HỌC

1. Thời lượng dạy học

Chương trình gồm 450 tiết.

2. Cấu trúc chương trình và phân bổ thời lượng cụ thể

Chương trình được thiết kế thành 10 cụm bài. Mỗi cụm bài ứng với một chủ đề.

- Tổng số : 40 bài
- Bình quân mỗi bài 11 tiết, mỗi tiết 45 phút.

Mỗi cụm bài gồm các bài học. Mỗi bài học tích hợp gồm các phần sau:

- Bài đọc (kết hợp dạy tiếng , từ).
- Từ ngữ - Ngữ pháp.
- Luyện nghe, nói, đọc, viết.

Số tiết dành cho luyện nghe, luyện nói chiếm khoảng 60% tổng thời gian của bài học. Số tiết luyện đọc, luyện viết, từ ngữ - ngữ pháp chiếm thời lượng khoảng 40% tổng thời gian của bài học.

Thời gian đi thực tế, kiểm tra, tổng ôn tập, thi cuối khóa: 150 tiết nằm ngoài chương trình.

IV. YÊU CẦU CƠ BẢN CẦN ĐẠT

Học xong chương trình, học viên cần đạt các yêu cầu cơ bản sau:

1. Về kỹ năng :

- Nghe hiểu ý kiến của đồng bào về những vấn đề đơn giản. Nghe hiểu ý chính những mẩu chuyện, tin tức ngắn, các bài phổ biến ngắn, đơn giản về khoa học kỹ thuật, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- Trò chuyện được với đồng bào bằng tiếng Kơ Ho về những vấn đề gần gũi, thiết thực. Nói lại được ý chính của cuộc trao đổi, của những chuyện đã nghe, đã đọc, những mẩu tin, thông báo…

- Đọc được rõ ràng, tương đối trôi chảy những văn bản ngắn, đơn giản (mẩu tin, văn bản phổ biến khoa học, thông báo, mẩu chuyện dân gian, bài văn, bài thơ ngắn, văn bản chính sách, pháp luật…). Hiểu ý chính của bài. Thuộc một số thành ngữ, tục ngữ, ca dao phổ biến của đồng bào dân tộc Kơ Ho.

- Viết rõ nét các chữ cái, dấu âm trong tiếng và từ tiếng Kơ Ho; viết đúng chính tả đoạn văn ngắn có độ dài từ 80 đến 100 từ. Viết được những bức thư ngắn, những mẩu tin, thông báo đơn giản có độ dài từ 60 đến 80 từ, không mắc nhiều lỗi chính tả.

2. Về kiến thức

- Biết hệ thống chữ cái, âm vần, hệ thống dấu âm và cách ghép âm vần của tiếng Kơ Ho.

- Có khoảng 1000 từ, ngữ (bao gồm cả thành ngữ) theo các chủ đề học tập. Nắm được các hiện tượng từ đơn tiết, từ đa tiết, từ đồng nghĩa và trái nghĩa.

- Biết một số kiểu câu trần thuật đơn (Ai là ai? Ai làm gì? Ai thế nào?); một số thành phần câu (qua bài tập đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi: Ai? Làm gì? Thế nào? Bao nhiêu? Khi nào? Bao giờ? Ở đâu? …); nhận biết câu ghép.

- Có hiểu biết về phong tục, tập quán và văn hoá truyền thống; hiểu và sử dụng được các lời nói phù hợp với các nghi thức giao tiếp, ứng xử của đồng bào Kơ Ho.

3. Về thái độ tình cảm

- Có ý thức tôn trọng tiếng nói, chữ viết, phong tục và văn hoá truyền thống của đồng bào dân tộc Kơ Ho.

- Có thói quen học tập, sử dụng tiếng nói, chữ viết Kơ Ho trong công tác và trong đời sống sinh hoạt hàng ngày.

V. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH :

1. Nội dung dạy chữ cái, dấu âm, tiếng; luyện phát âm, luyện đọc, luyện viết; kết hợp với bài luyện tập cung cấp kiến thức về ngữ pháp tiếng Kơ Ho.

2. Tích hợp dạy kiến thức và kĩ năng theo hệ thống chủ đề :

CHỦ ĐỀ	Bài	TÊN BÀI	Kiến thức	Kỹ năng
Tiếng Kơ Ho	1	Tiếng và chữ KơHo	- Chữ cái, nguyên âm, phụ âm - Từ ngữ về thời gian, ngày tháng; không gian, vị trí. - Từ xưng hô, đại từ nhân xưng. - Đếm số, đếm thứ tự. - Danh từ riêng, danh từ khối, danh từ đơn vị, danh từ phiếm định.	- Cách hỏi vật, đồ vật, thời gian, không gian. - Chào hỏi, giới thiệu.
	2	Đếm số		
	3	Thời gian		
	4	Hỏi và trả lời		
	5	Xin chào		
	6	Giới thiệu công việc		
GIA ĐÌNH DÒNG TỘC	**7**	Gia tộc K’ Bim	- Từ ngữ về gia đình, nhà ở, vườn gần nhà, sinh hoạt trong gia đình - Từ ngữ về mối quan hệ trong gia đình - Danh từ chỉ ngôi, danh từ chỉ định.	- Giới thiệu về nhà ở, vườn cây. - Giao tiếp, trò chuyện về gia đình, nhà ở. Luyện viết tiếng.
	8	K’Bim chỉ có hai con		
	9	Nhà ở - vườn cây		
BUÔN LÀNG	10	Câu chuyện xóm làng	- Từ ngữ về xóm làng, công việc, sinh hoạt trong cộng đồng. - Từ ngữ về mối quan hệ trong buôn làng, cộng đồng dân cư - Động từ.	- Giao tiếp , trò chuyện về sinh hoạt , lao động trong cộng đồng - Luyện viết câu
	11	Người trưởng thôn		
	12	Niềm vui trong lao động		
	13	Ôn		

THIÊN NHIÊN MÔI TRƯỜNG	14	Thời tiết	- Từ ngữ về thiên nhiên, môi trường. Bảo vệ và chăm sóc rừng, môi trường. - Tính từ.	- Giới thiệu, giải thích về lợi ích của thiên nhiên môi trường, ngăn ngừa những tác hại đến thiên nhiên, môi trường. - Viết chính tả
	15	Rừng và môi trường		
	16	Trồng cây gây rừng		
VĂN HÓA DÂN TỘC	17	Xây dựng thôn văn hóa	- Từ ngữ , nội dung về lễ hội, văn hóa truyền thống của đồng bào Kơ Ho. - Phụ từ.	- Giới thiệu, trình bày về lễ hội, nét văn hóa truyền thống của đồng bào Kơ Ho - Viết chính tả
	18	Văn hóa truyền thống		
	19	Lễ Hội Tây Nguyên		
ĐẤT NƯỚC CON NGƯỜI	20	Nước Việt Nam	- Từ ngữ về lich sử đất nước, Bác Hồ, về đấu tranh cách mạng của đồng bào Kơ Ho. - Từ ngữ , nội dung về lễ hội, văn hóa truyền thống của đồng bào Kơ Ho. - Danh ngữ.	- Giải thích, trình bày về lịch sử đấu tranh của các dân tộc Việt Nam, tình đòan kết giữa các dân tộc. - Viết đoạn văn ngắn
	21	Bác Hồ		
	22	Tây nguyên xanh tươi, Tây nguyên anh hùng		
	23	Các dân tộc anh em		
	24	Tình đoàn kết		
	25	Người anh hùng Tây Nguyên		
LAO ĐỘNG SẢN XUẤT	26	Ôn		
	27	Tăng gia sản xuất	- Từ ngữ , nội dung về lao động, nghề truyền thống của đồng bào Kơ Ho. - Động ngữ.	- Giới thiệu, giải thích về lao động, nghề truyền thống. Phát triển sản xuất. - Viết đọan văn ngắn.
	28	Nghề truyền thống		
GIÁO DỤC	29	Làm khai sinh cho bé	- Từ ngữ , nội dung cơ bản về giáo dục, liên quan đến quyền lợi học tập của trẻ em. - Câu đơn.	- Giới thiệu, giải thích về giáo dục, những lợi ích của giáo dục liên quan đến đời sống… - Viết chính tả.
	30	Ngày toàn dân đưa trẻ em đến trường		
	31	K’ Bim không mê tín dị đoan		
	32	Ôn		
CHĂM SÓC SỨC KHỎE	33	Giữ vệ sinh xóm làng	- Từ ngữ , nội dung cơ bản về y tế , liên quan đến quyền lợi chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cộng đồng. - Câu ghép đẳng lập.	- Giải thích, hướng dẫn về chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cộng đồng. - Viết chính tả.
	34	Phòng bệnh hơn chữa bệnh		
	35	Trạm y tế		
	36	Lánh xa ma túy		

TỔ QUỐC	37	Cuộc sống an toàn	-Từ ngữ liên quan về an ninh , trật tự , an tòan trong đời soáng của đồng bào Kơ Ho. - Câu ghép qua lại, câu ghép nhượng bộ.	- Giải thích, hướng dẫn về việc bảo vệ an ninh , trật tự , an tòan trong đời sống của đồng bào Kơ Ho. - Viết đọan văn ngắn.
	38	Thôn làng vững mạnh		
	38	Tuần tra bảo vệ rừng		
	40	Truyền thống yêu nước		

VI. GIẢI THÍCH – HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Về tính pháp lý của bộ chữ Kơ Ho và vấn đề phương ngữ

1.1 Về tính pháp lý của bộ chữ Kơ Ho

Bộ chữ tiếng Kơ ho được thực hiện trong chương trình là chữ Kơ ho được UBND tỉnh ban hành tại Quyết định số 20/QĐ-UB ngày 14/1/1983 của UBND tỉnh Lâm Đồng về phương án chữ Kơ Ho và Quyết định số 17/2006/QĐ-UBND ngày 28/3/2006 v/v Sửa đổi mục A, phần II phụ lục ban hành.

1.2 Vấn đề phương ngữ

Tiếng Kơ Ho ở mỗi vùng về cơ bản là thống nhất, sự khác biệt là không đáng kể. Tài liệu dạy học lấy từ ngữ của người Kơ Ho ở xã Gung ré huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng làm chuẩn, do đó có sự khác biệt về phương ngữ đối với một số địa phương. Để khắc phục vấn đề này trong quá trình dạy và học cần có sự so sánh, phân biệt và vận dụng cho phù hợp. Đồng thời cần trang bị cho học viên từ điển Việt- Kơ ho để học viên tham khảo và tra cứu.

2. Cấu trúc nội dung của chương trình

2.1 Đặc điểm cấu trúc

Cấu trúc chương trình theo chủ đề, là một giải pháp để thực hiện mục tiêu rèn kỹ năng và trang bị kiến thức cho học viên. Thông qua hệ thống chủ đề, tài liệu dạy học giúp học viên mở rộng, hệ thống hoá, tích cực hoá vốn từ, trang bị những kiến thức ngữ pháp sơ giản ban đầu (qua các bài tập thực hành), đồng thời giúp học viên có thêm những hiểu biết về văn hoá, phong tục tập quán của đồng bào dân tộc Kơ Ho.

Chương trình nêu lên 10 chủ đề, nhưng khi biên soạn tài liệu học tập, các tác giả căn cứ vào yêu cầu, đối tượng và nội dung học tập của chương trình dạy tiếng Kơ Ho này để đề xuất thêm các chủ đề cần thiết và phân bố lại thời lượng cho phù hợp với mỗi chủ đề của chương trình.

2.2 Cấu trúc và nhiệm vụ của bài học

Chương trình đặt tên cho các bài học là: Tập đọc (bao gồm cả việc học chữ và âm, vần), Luyện viết, Luyện nghe, Luyện nói, với mục đích rèn luyện kỹ năng, trang bị kiến thức, đồng thời phù hợp với đối tượng học viên.

Nhiệm vụ của các bài học cụ thể như sau:

- Tập đọc - Học vần: Cung cấp cho học viên hệ thống ký hiệu chữ viết, hệ thống các âm, vần tiếng Kơ Ho; rèn luyện cho học viên các kỹ năng đọc, nghe, nói và viết; đồng thời cung cấp vốn từ, tăng cường khả năng diễn đạt và trang bị cho học viên những hiểu biết cần thiết về đời sống.

- Từ ngữ - Ngữ pháp: giúp học viên mở rộng vốn từ, trang bị những kiến thức sơ giản về từ ngữ, ngữ pháp tiếng Kơ Ho và rèn luyện kỹ năng dùng từ, đặt câu (luyện nói, viết thành câu).

- Luyện nghe - nói: rèn cho học viên kỹ năng nghe thông qua các hình thức nghe kể chuyện, nghe đọc, nghe câu hỏi và ý kiến trao đổi của giáo viên, của học viên cùng lớp kết hợp rèn luyện kỹ năng nói thông qua các hình thức đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi, nói theo câu hỏi gợi ý, theo đề tài…

- Luyện viết: rèn kỹ năng viết chữ, viết chính tả từ, câu văn, đoạn văn ngắn; tạo lập một vài kiểu văn bản (đoạn văn, mẩu tin, thông báo…) ở mức sơ giản.

3. Phân bổ thời lượng cho các bài học

Phân bổ thời lượng cho các bài học trong Kế hoạch dạy học cần sắp xếp một cách hợp lý với nội dung kiến thức - kỹ năng cần học tập.

4. Về tài liệu dạy học

Chương trình này là căn cứ để tập thể tác giả biên soạn tài liệu dạy học tiếng Kơ Ho cho học viên và sách giảng dạy cho giảng viên. Ngôn ngữ dùng trong tài liệu bằng cả hai thứ tiếng Kơ Ho và Việt.

5.Về phương pháp và hình thức tổ chức dạy học

5.1 Về phương pháp dạy học

Để việc dạy học tiếng Kơ Ho cho đối tượng học viên đạt được mục tiêu rèn luyện các kỹ năng giao tiếp và trang bị kiến thức một cách nhanh chóng, có hiệu quả, cần vận dụng các phương pháp dạy học phát huy tính tích cực, chủ động của học viên, chú ý tới những phương pháp đặc trưng của môn học như:

- Phương pháp thực hành giao tiếp: hướng dẫn học viên vận dụng những kiến thức, kỹ năng đã học vào việc thực hiện các nhiệm vụ giao tiếp cụ thể bằng tiếng Kơ Ho, nhằm khắc sâu tri thức và rèn kỹ năng. Đây là phương pháp chủ yếu để phát triển lới nói cho từng cá nhân học viên.

- Phương pháp phân tích ngôn ngữ: hướng dẫn học viên quan sát, phân tích các hiện tượng ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, chính tả…để tìm ra những nét đặc trưng của những hiện tượng ấy, nhằm sử dụng đúng trong giao tiếp.

-Phương pháp so sánh, đối chiếu: so sánh, đối chiếu các kiến thức đã có với các kiến thức đang học, đối chiếu ngôn ngữ dân tộc với ngôn ngữ phổ thông để tìm ra sự giống nhau và khác nhau giữa hai hệ thống ngôn ngữ.

5.2 Về hình thức tổ chức dạy học

Để giờ học sinh động, có hiệu quả, hoạt động của học viên cũng cần luôn thay đổi với nhiều hình thức tổ chức học tập: làm việc độc lập, làm việc theo nhóm… Học viên làm việc độc lập trong trường hợp câu hỏi, bài tập đặt ra

những yêu cầu cụ thể, tương đối, dễ thực hiện. Trong trường hợp câu hỏi, bài tập tương đối khó hoặc đòi hỏi một sự khái quát nhất định và trong trường hợp nếu làm việc chung theo đơn vị lớp sẽ có ít học viên được hoạt động thì tổ chức làm việc theo nhóm.

Các hình thức tổ chức dạy học cần kích thích học viên kết hợp việc học trên lớp với thực hành giao tiếp trong cộng đồng dân tộc mà mình đang công tác và sinh sống.

6. Về đánh giá kết quả học tập

6.1 Nội dung và hình thức đánh giá

Đánh giá kết quả học tập có tác dụng động viên, kích thích học viên học tập, đồng thời giúp kiểm soát, quản lý chất lượng học tập. Đánh giá được thực hiện theo hai phương thức: đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ. Việc đánh giá cần bảo đảm các nguyên tắc toàn diện và khách quan. Những kỹ năng nghe và nói cần được kiểm tra, đánh giá nhiều hơn, thường xuyên hơn so với kỹ năng đọc và viết. Cách kiểm tra, đánh giá cần đa dạng hoá và phù hợp với từng kỹ năng :

- Các kỹ năng đọc thành tiếng, viết chữ được đánh giá qua hoạt động thực hành của học viên.

- Các kỹ năng nghe và nói được đánh giá bằng hình thức vấn đáp và kiểm tra miệng trên lớp.

- Các kỹ năng đọc hiểu, dùng từ, đặt câu, những kiến thức sơ giản về quy tắc chính tả, từ vựng, ngữ pháp được đánh giá bằng những câu hỏi trắc nghiệm khách quan và những câu hỏi mở.

- Các kỹ năng viết đoạn, bài văn ngắn, đơn giản được đánh giá bằng bài kiểm tra viết (tự luận).

Việc đánh giá kết quả học tập của học viên thực hiện theo các phương thức sau:

- Kiểm tra thường xuyên(trong mỗi giờ lên lớp).

- Kiểm tra theo cụm bài , cuối mỗi cụm bài.

- Kiểm tra cuối khoá.

6.2 Chứng chỉ

Việc cấp chứng chỉ cho học viên phụ thuộc vào kết quả học tập cả đợt và kỳ thi cuối khoá. Cơ quan cấp chứng chỉ là Trung tâm Đào tạo bồi dưỡng tại chức Lâm Đồng.

7. Về loại hình đào tạo

- Học tập trung tại các lớp học (trong giờ hành chính hoặc ngoài giờ hành chính) theo thời gian quy định trong chương trình.

- Học tập trung nhiều đợt, mỗi đợt hoàn thành một phần nội dung quy định trong chương trình.

- Tự học theo hình thức có hướng dẫn quy định tại quyết định số 155/2003/QĐ-UB ngày 18/8/2003 của UBND tỉnh Lâm Đồng.

Kết thúc các khoá học, học viên dự thi đạt kết quả được cấp chứng chỉ.

8. Về điều kiện thực hiện chương trình:

- Huy động đội ngũ cán bộ, giáo viên, trí thức là người dân tộc Kơ ho làm giáo viên giảng dạy.

- Tập huấn, bồi dưỡng nội dung tài liệu, phương pháp giảng dạy thường xuyên cho đội ngũ giáo viên.

- Tổ chức lớp học tại các cơ sở đào tạo như :Trung tâm đào tạo bồi dưỡng tại chức Lâm Đồng, Trung tâm bồi dưỡng chính trị tại các huyện, các đơn vị trường học, tại cơ sở xã, thị trấn.

- Cung cấp đủ tài liệu học tập cho học viên.

- Chế độ giảng dạy và học tập tiếng dân tộc thiểu số thực hiện theo Công văn số 27/UB ngày 06/01/2005 của UBND tỉnh Lâm Đồng về chế độ học tập, trợ cấp cho cán bộ công chức tự học và chế độ bồi dưỡng cho giáo viên dạy tiếng dân tộc.

- Có trang thiết bị dạy học như: phương tiện nghe – nhìn, băng Cassette, máy ghi âm, băng đĩa học tiếng.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(*Đã ký*)

Huỳnh Đức Hòa